CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Tên ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ

TT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 15 Tín chỉ (Không tính học phần GDQP)							
Học phần bắt buộc			**15**				
1	226020	Pháp luật đại cương	2				
2	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3				
3	229100	Tin học	2				
4	227006	Cơ ứng dụng	2				
5	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2				
6	227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2				
7	227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2				
8	234012	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5				
Học kỳ 2: 20 Tín chỉ (Không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**18**				
9	222033	Toán ứng dụng A	3				
10	223006	Chính trị 1	3				
11	227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2				
12	227001	Autocad 2D	2				
13	228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3				
14	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2				
15	224004/ 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)			**2**				
16.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
16.2	234006	Bóng đá 1	2				
16.3	234007	Bóng rổ 1	2				
16.4	234008	Cầu lông 1	2				

16.5	234009	Aerobic 1	2				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)			**2**				
17.1	226035	Soạn thảo văn bản	2				
17.2	227073	Lập trình C++	2				
Học kỳ 3: 17 Tín chỉ (không tính học phần Giáo dục thể chất)							
Học phần bắt buộc			**15**				
18	223007	Chính trị 2	3				
19	227138	Solidworks	2				
20	227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2				
21	224016/ 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3				
22	228252	Vi điều khiển	3				
23	227060	Thực tập tiện 1	2				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)			**2**				
24.1	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
24.2	222010	Logic học đại cương	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
25.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
25.2	234010	Bóng đá 2	2				
25.3	234011	Bóng rổ 2	2				
25.4	234013	Cầu lông 2	2				
25.5	234014	Aerobic 2	2				
Học kỳ 4: 15 Tín chỉ (không tính học phần Kỹ năng mềm)							
Học phần bắt buộc			**13**				
26	227125	Chuyên đề cơ sở ngành cơ điện tử	1				
27	227146	Thực tập phay 1	2				
28	227069	Thiết kế hệ thống điện - khí nén	2				
29	228251	PLC	3				
30	227027	Hệ thống cơ điện tử	2				
31	227012	Công nghệ CNC	2				
32	227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp	1				
33	222035	Kỹ năng mềm	2				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)			**2**				
34.1	227127	Thực tập hàn	2				
34.2	227142	Thực tập hàn TIG - MAG	2				
34.3	227148	Thực tập sửa chữa	2				
Học kỳ 5: 13 Tín chỉ							

Học phần bắt buộc			**11**				
35	227122/ 200004	Anh văn chuyên ngành (CĐT)/Tiếng Nhật 4	2				
36	227009	Công nghệ CAD/CAM	2				
37	227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1				
38	227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2				
39	227154	Thực tập CNC	2				
40	227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)			**2**				
41.1	227136	Kỹ thuật Robot	2				
41.2	228018	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2				
41.3	227032	Matlab	2				
Học kỳ 6: 10 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**5**				
42	227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 5TC/các học phần sau)			**5**				
43.1	227088	Đồ án tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5				
Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp							
43.2	227157	Thực tập CNC nâng cao	2				
43.3	227118	Hệ thống cơ điện tử nâng cao	3				